CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng Công ty Licogi - CTCP

Ngày 30/09/2025	27,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.8%	-	-

DT thuần
Q3/25
613
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 136| 28.5%
YoY: ▲ 224| 57.6%

LN thuần
Q3/25
79.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 60.7| 319%
YoY: ▲ 31.5| 65.4%

LN sau thuế
Q3/25
73.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 62.7| 575%
YoY: ▲ 31.5| 74.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
17.9%
YoY: +/-▲ 21.2%

ROE (TTM)
Q3/25
26.7%
YoY: +/-▲ 5.7%

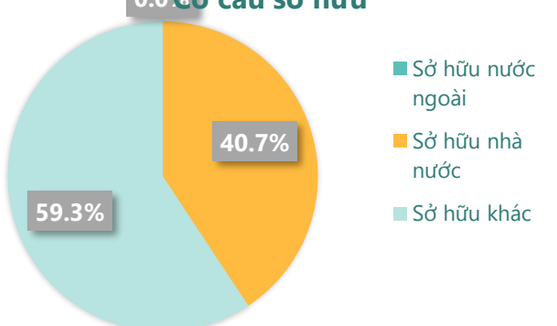
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	23,000 - 48,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,511
Số lượng CPLH (CP)	90,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,695
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.92
EPS	1,404
P/E	19.9

DT thuần
9T 2025
1,517
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 268| 21.5%

LN thuần
9T 2025
84.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 64.0| 311%

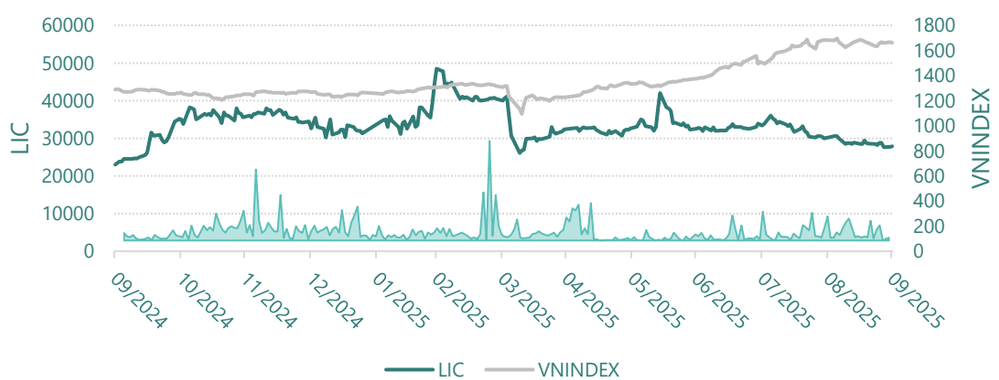
LN sau thuế
9T 2025
62.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 57.3| 1071%

Cơ cấu sở hữu

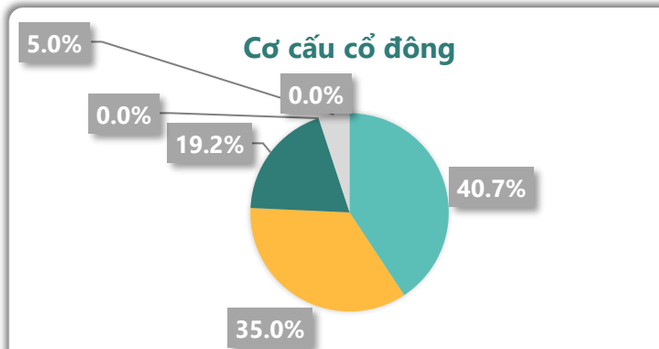


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



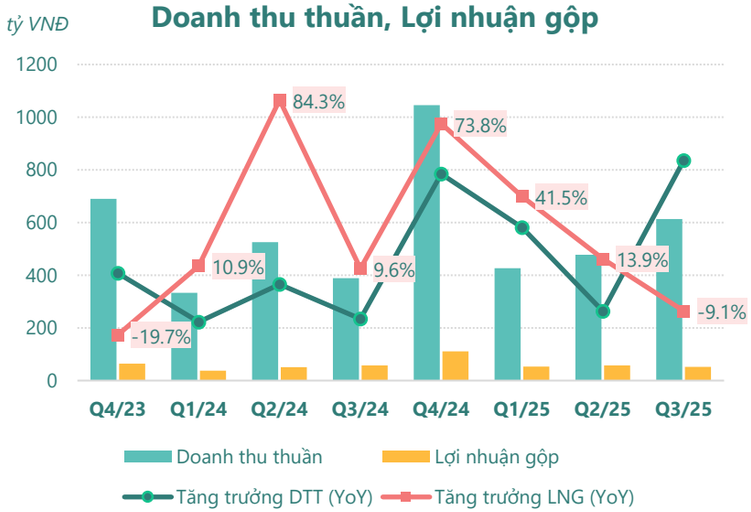
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

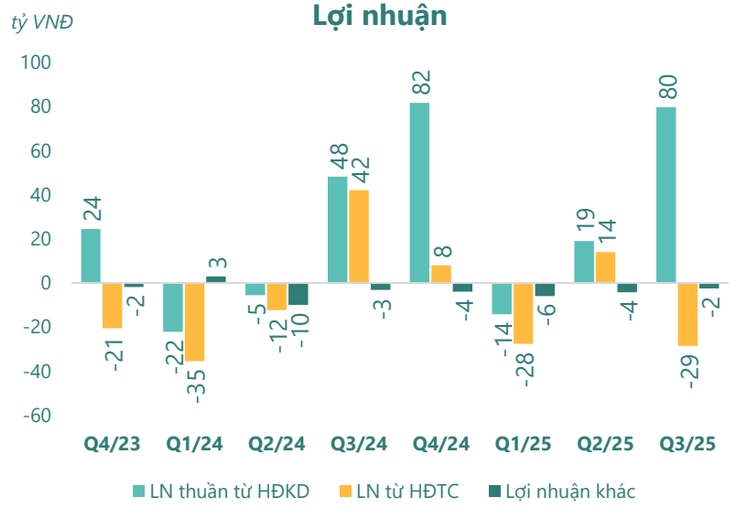
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



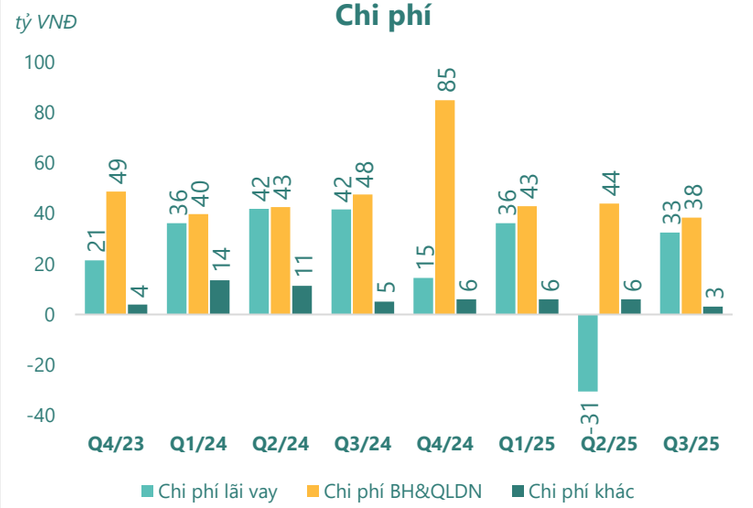
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



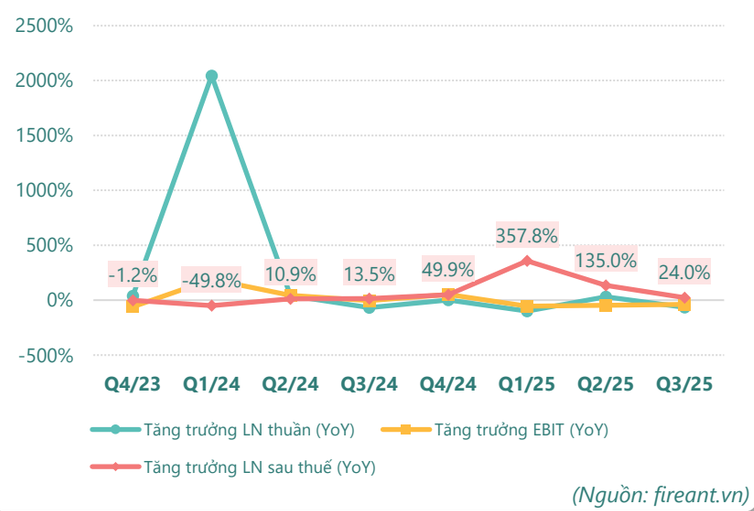
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



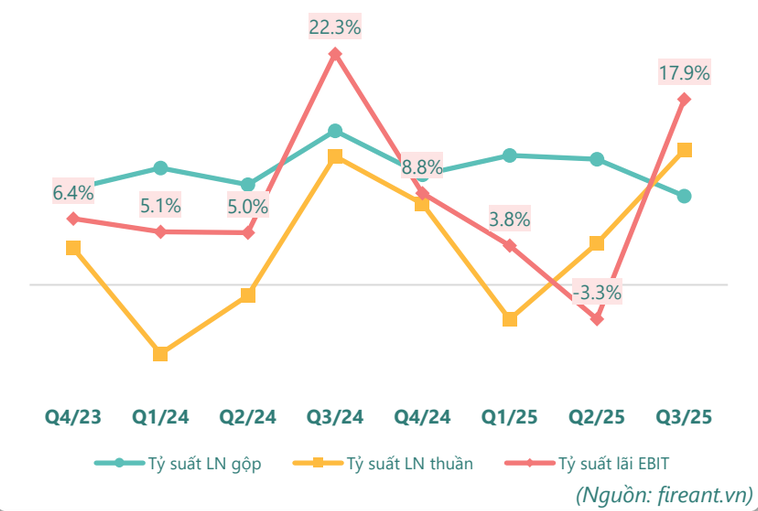
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



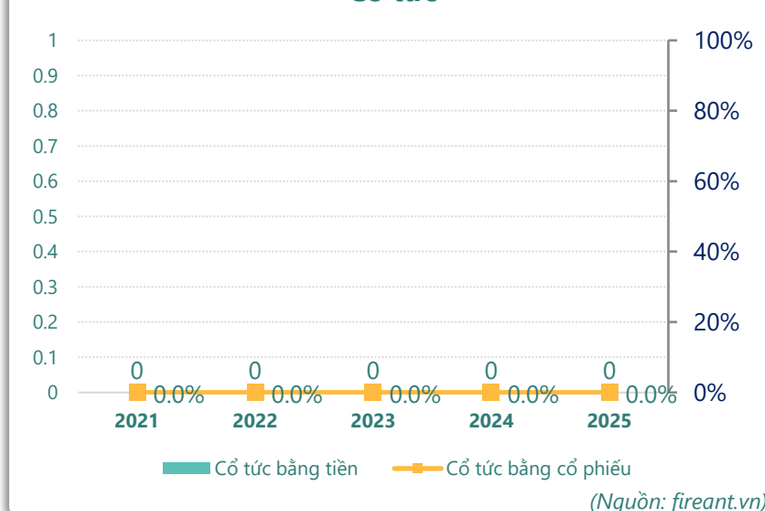
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

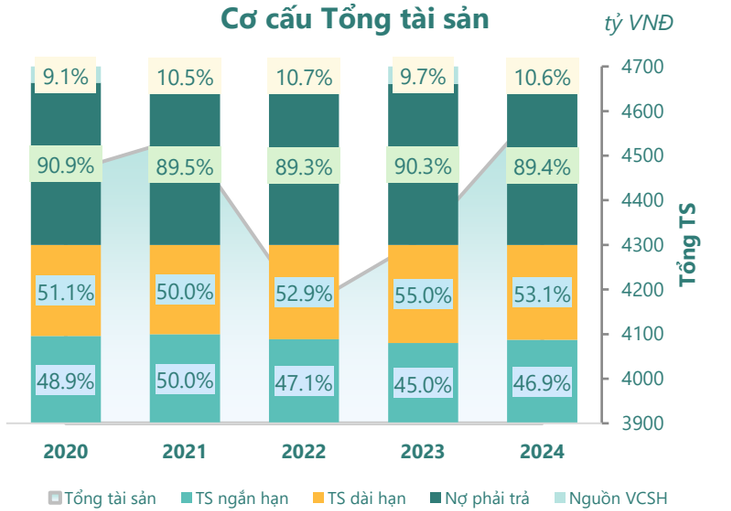
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

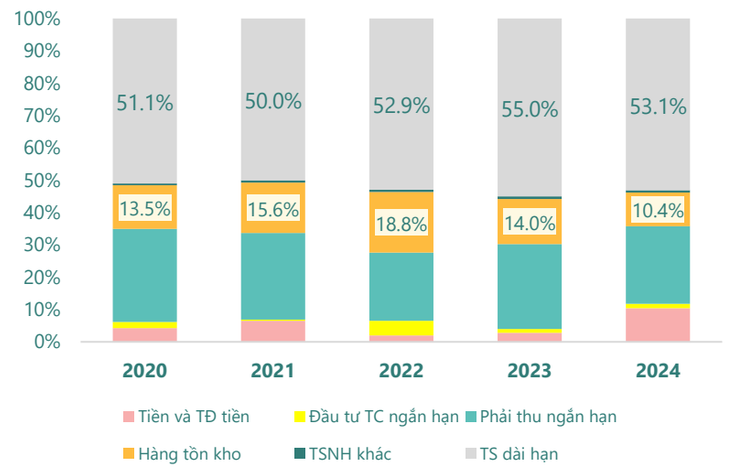
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



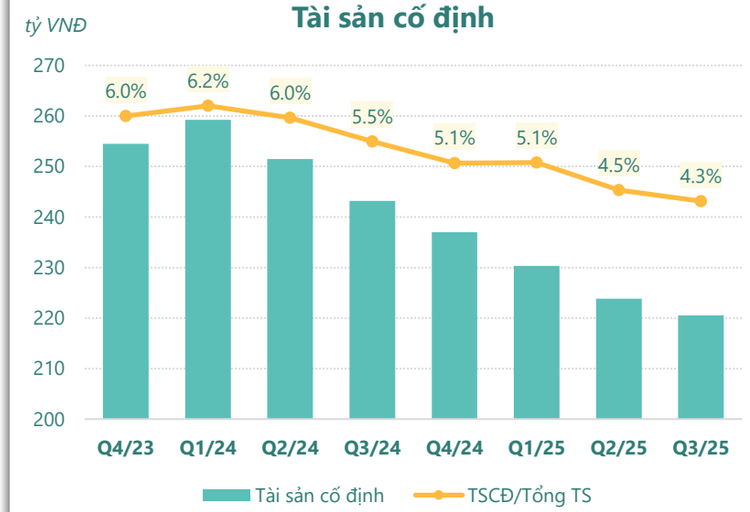
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



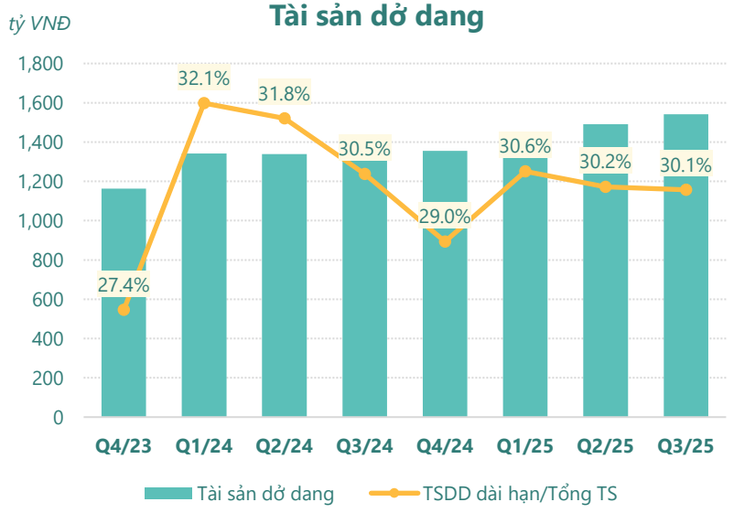
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



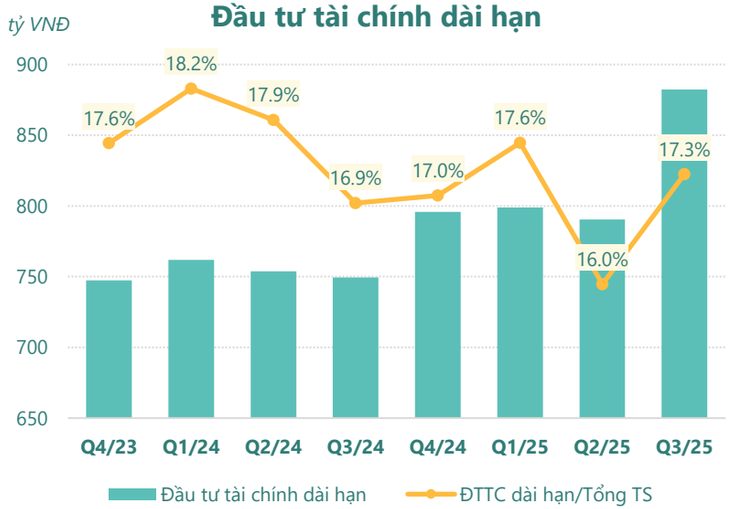
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



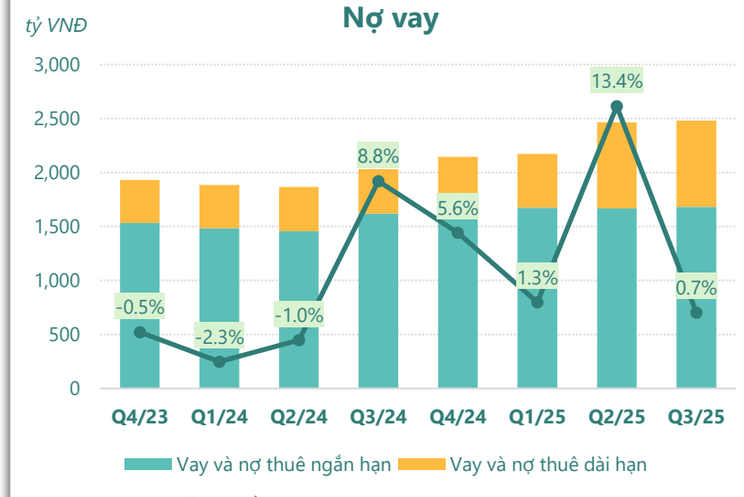
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

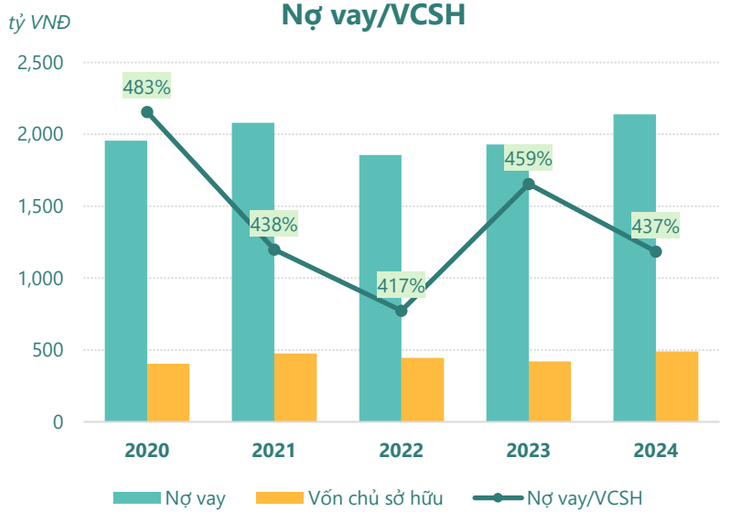
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

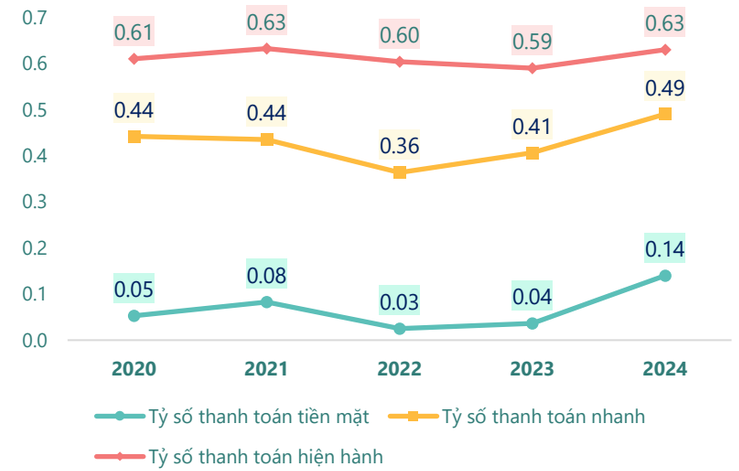
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



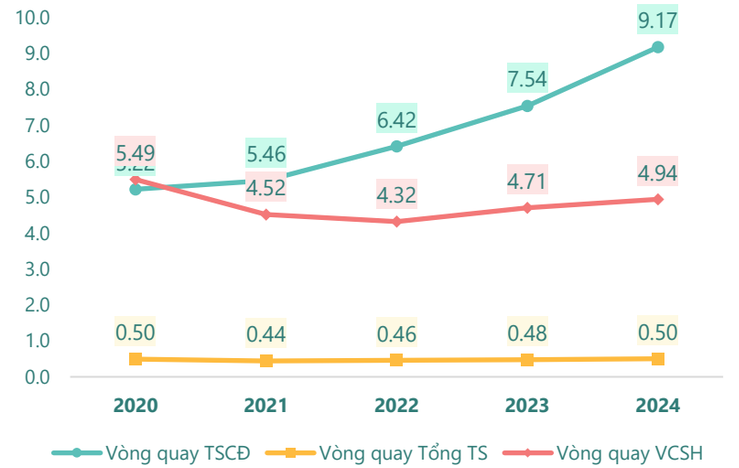
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



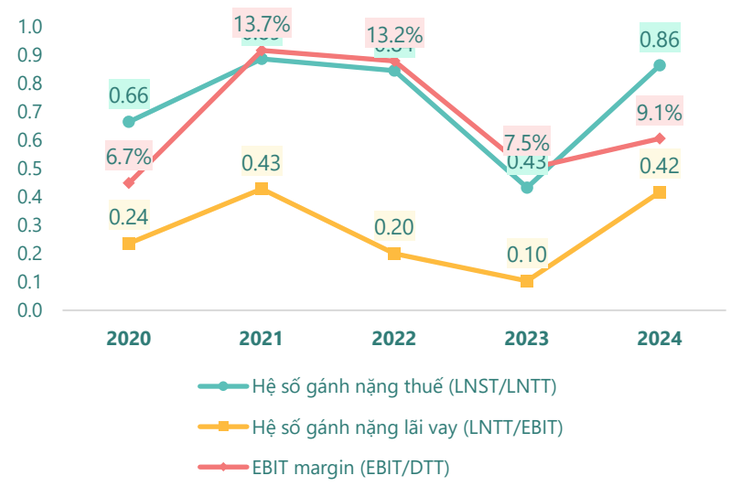
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



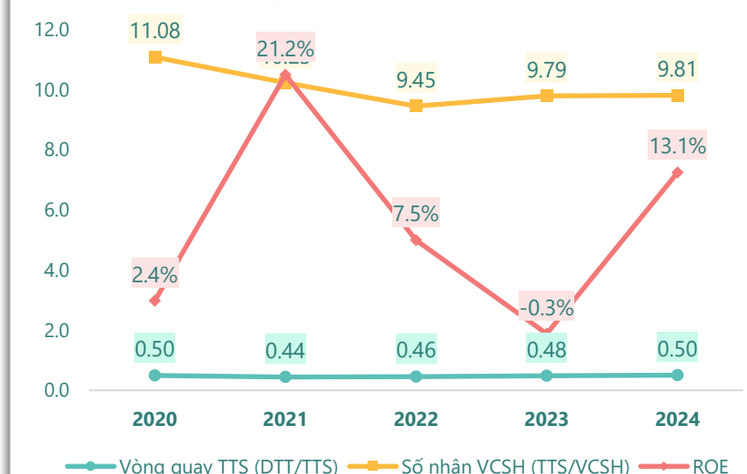
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



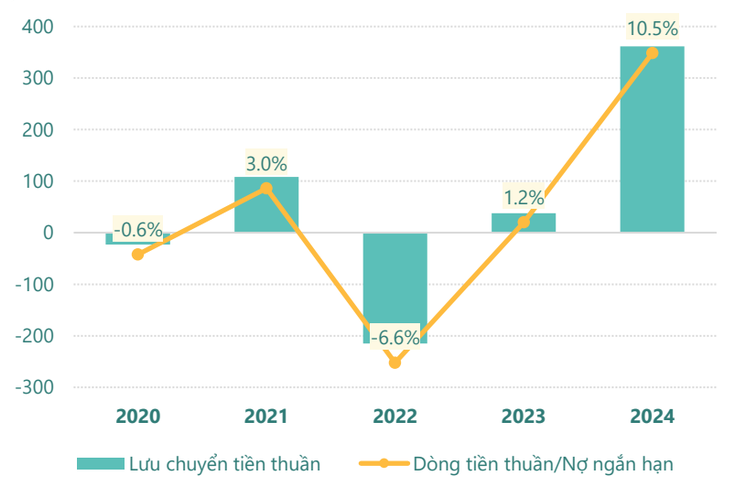
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**613**	**389**	**57.6%**	**1,517**	**1,249**	**21.5%**
Giá vốn hàng bán	561	332	68.8%	1,353	1,103	22.7%
Lợi nhuận gộp	52.6	57.9	-9.2%	164	146	11.9%
Doanh thu HĐTC	4.49	84.2	-94.7%	46.5	116	-59.7%
Chi phí TC	33.0	42.1	-21.6%	88.8	121	-26.7%
Chi phí lãi vay	32.5	41.8	-22.1%	38.1	120	-68.2%
LN trong công ty LKLD	**94.1**	**-4.19**	**2346%**	**88.6**	**9.96**	**790%**
Chi phí bán hàng	11.5	13.7	-15.8%	34.6	32.0	8.1%
Chi phí QLDN	**26.9**	**33.8**	**-20.3%**	**90.8**	**98.0**	**-7.4%**
LN thuần từ HĐKD	79.7	48.2	65.4%	84.6	20.6	311%
Lợi nhuận khác	**-2.46**	**-3.18**	**22.6%**	**-12.5**	**-10.2**	**-22.8%**
LN trước thuế	77.2	45.1	71.3%	72.1	10.4	593%
Lợi nhuận sau thuế	**73.6**	**42.1**	**74.7%**	**62.6**	**5.35**	**1071%**
LNST của CĐ cty mẹ	**71.1**	**31.1**	**129%**	**56.3**	**-6.50**	**965%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.95	-54.1	61.8	-58.3	-238	-156
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	37.3	18.7	30.3	-34.5	-0.54	-88.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.3	164	115	32.9	292	17.1
Tiền đầu kỳ	130	144	272	481	421	475
Lưu chuyển tiền thuần	**14.1**	**129**	**207**	**-60.0**	**53.6**	**-227**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.01	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	144	272	479	421	475	248

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,112**	**4,617**	**10.7%**
Tài sản ngắn hạn	2,084	2,165	-3.7%
Tiền và tương đương tiền	248	481	-48.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	133	62.3	113%
Phải thu ngắn hạn	1,049	1,108	-5.3%
Hàng tồn kho	602	479	25.6%
Tài sản ngắn hạn khác	51.4	33.5	53.3%
Tài sản dài hạn	**3,029**	**2,452**	**23.5%**
Phải thu dài hạn	351	2.32	15061%
Tài sản cố định	221	237	-6.9%
Bất động sản đầu tư	4.02	4.02	0.0%
Tài sản dở dang	1,541	1,379	11.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	882	796	10.8%
Tài sản dài hạn khác	**29.7**	**33.7**	**-11.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,584	4,127	11.1%
Nợ ngắn hạn	**3,478**	**3,437**	**1.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,681	1,659	1.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	618	730	-15.3%
Nợ dài hạn	1,106	690	60.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	801	481	66.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**528**	**490**	**7.8%**
Vốn chủ sở hữu	**528**	**490**	**7.8%**
Vốn điều lệ	900	900	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)